|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH THÁI NGUYÊN**  Số: /2024/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành** **tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các**

**cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.*

*Thực hiện Thông báo số 2452-TB/TU ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương đối với việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1837/TTr-STC ngày 28 tháng 5 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 16 Nghị định số [72/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-dinh-72-2023-nd-cp-tieu-chuan-dinh-muc-su-dung-xe-o-to-580611.aspx) ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên được quy định chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá xe ô tô chuyên dùng

Mức giá mua xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này. Giá mua xe là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá *(nếu có)*; chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế *(nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng)*thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

**Điều 3. Nguyên tắc trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô chuyên dùng**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để giao, mua sắm, bố trí, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô chuyên dùng.
2. Việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức, mức giá được quy định tại Quyết định này, quy định của pháp luật về mua sắm tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan, phù hợp với nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật).
3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô chuyên dùng thực hiện chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, nhiệm vụ đặc thù.

Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được trang bị đủ xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn định mức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Sở Tài chính căn cứ vào tình hình thực tế, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phép sử dụng xe ô tô chuyên dùng kết hợp để phục vụ công tác chung, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất của loại xe khi sử dụng, không làm ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng. Việc sử dụng xe ô tô chuyên dùng kết hợp để phục vụ công tác chung được thực hiện cho tới khi các cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị đủ xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn định mức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc có kiến nghị đề xuất, các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh, gửi văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số [16/2019/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-11-2021-qd-ubnd-tieu-chuan-su-dung-xe-o-to-chuyen-dung-tai-cac-co-quan-ha-noi-482418.aspx) ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận****:*  - Bộ Tài chính;  - Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;  - Thường trực Tỉnh ủy;  - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Các Ban Đảng của Tỉnh ủy;  - Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh;  - Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và  HĐND tỉnh, UBND tỉnh;  - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;  - HĐND, UBND các huyện, thành phố;  - Báo Thái Nguyên;  - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;  - Trung tâm Thông tin tỉnh;  - Lưu: VT, KT, TH.  *Sonnk.T6.QĐ15.* | | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Trịnh Việt Hùng** |
| **Phụ lục I** | | |
| **TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG**  **(ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG, CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG) TRANG BỊ**  **CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI**  **QUẢN LÝ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN** | | |
| *(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024*  *của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)* | | |

| **STT** | **Đơn vị/ Đối tượng**  **sử dụng** | **Chủng loại xe ô tô chuyên dùng được trang bị** | **Số lượng xe ô tô chuyên dùng được trang bị tối đa** | **Mục đích sử dụng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Khối các Văn phòng**  **cấp tỉnh** |  |  |  |
| 1 | Văn phòng Tỉnh ủy | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ | 01 xe | Phục vụ đưa đón các đoàn Đại biểu Trung ương Đảng, các tỉnh bạn; các đoàn làm việc, kiểm tra giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Ban Xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội của địa phương, đi học tập kinh nghiệm, đưa đón các đoàn đi dự đại hội Đảng các cấp |
| 2 | Văn phòng Đoàn  Đại biểu Quốc hội và  Hội đồng nhân dân tỉnh | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ | 01 xe | Phục vụ công tác đưa đón đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chức năng giám sát, tiếp xúc cử tri tại địa phương, đơn vị. Đưa đón các đoàn đại biểu Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đi công tác |
| 3 | Văn phòng Ủy ban  nhân dân tỉnh | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ | 01 xe | Phục vụ các đoàn của tỉnh đi kiểm tra, phục vụ nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ của tỉnh, các nhiệm vụ khác về an ninh quốc phòng; Phục vụ các đoàn của Bộ, Ban, Ngành, Trung ương, tỉnh khác đến tỉnh Thái Nguyên công tác |
| **II** | **Khối các sở, ban, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh uỷ** |  |  |  |
| ***1*** | ***Các sở, ban, ngành*** |  |  |  |
| **1.1** | **Sở Tài nguyên và Môi trường** |  |  |  |
| 1.1.1 | Văn phòng Sở | Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng và gắn biển hiệu nhận biết | 01 xe | Phục vụ hoạt động của thanh tra tài nguyên môi trường và hoạt động đội kiểm tra liên ngành khoáng sản môi trường |
| **1.2** | **Sở Giao thông vận tải** |  |  |  |
| 1.2.1 | Văn phòng Sở | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ | 01 xe | Phục vụ công tác quản lý  đào tạo và tổ chức các kỳ thi  sát hạch lái xe |
| 1.2.2 | Thanh tra Sở | Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết | 05 xe | Phục vụ công tác thanh tra, cứu hộ trên các tuyến đường tỉnh quản lý |
| 1.2.3 | Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Thái Nguyên | Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng | 01 xe | Xe phục vụ kiểm soát tải trọng xe |
| **1.3** | **Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh** | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ | 01 xe | Phục vụ công tác tuyên truyền về an toàn giao thông |
| **1.4** | **Sở Lao động –**  **Thương binh và Xã hội** |  |  |  |
| 1.4.1 | Trường Trung cấp  Dân tộc nội trú tỉnh  Thái Nguyên |  |  |  |
| 1.4.1.1 | Trường Trung cấp  Dân tộc nội trú tỉnh  Thái Nguyên | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ hoặc xe ô tô 47 chỗ ngồi | 01 xe | Phục vụ đưa đón học sinh đi thực tế, thực tập |
| 1.4.1.2 | Trung tâm Đào tạo và  sát hạch lái xe | Xe ô tô tải trên 3,5 tấn đến 5 tấn | 06 xe | Xe ô tô tập lái phục vụ đào tạo nghề lái xe ô tô |
| Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết | 50 xe |
| 1.4.2 | Trung tâm Điều dưỡng người có công | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ hoặc xe ô tô 47 chỗ ngồi | 01 xe | Xe ô tô đưa đón người có công, thương binh bệnh binh đi  thăm quan |
| **1.5** | **Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch** |  |  |  |
| 1.5.1 | Trung tâm Văn hóa  Nghệ thuật tỉnh | Xe ô tô 29 chỗ ngồi | 01 xe | Phục vụ chở diễn viên, trang phục, nhạc cụ... đi biểu diễn phục vụ nhân dân và phục vụ nhiệm vụ chính trị; tham gia các hội thi, hội diễn |
| Xe ô tô trên 29 chỗ đến 34 chỗ ngồi | 01 xe |
| Xe ô tô tải trên 1,5 tấn đến 2,5 tấn | 01 xe | Xe chở trang thiết bị, nhạc cụ  đi biểu diễn |
| 1.5.2 | Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng | Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng | 01 xe | Phục vụ phát hành phim và chiếu phim lưu động tại các xã đặc biệt khó khăn, đối tượng chính sách, nhiệm vụ chính trị |
| 1.5.3 | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ | 01 xe | Phục vụ đưa đón đoàn cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên đi tập luyện, tập huấn nâng cao, cọ sát, học tập kinh nghiệm và tham gia thi đấu các giải thể thao |
| 1.5.4 | Thư viện tỉnh | Xe ô tô tải trên 1,5 tấn đến 2,5 tấn | 01 xe | Phục vụ triển khai nhiệm vụ thư viện lưu động; chở sách tài liệu đi cơ sở |
| 1.5.5 | Trung tâm Thông tin  xúc tiến Du lịch | Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng | 01 xe | Phục vụ tuyên truyền, quảng bá du lịch Thái Nguyên; Đưa đón cán bộ viên chức và trang thiết bị ghi hình đi thực hiện xây dựng các video, clip cung cấp thông tin cho cổng du lịch thông minh tỉnh Thái Nguyên; Chuyên chở các ấn phẩm, thiết bị, đồ dùng tham gia các sự kiện quảng bá, xúc tiến  du lịch tỉnh Thái Nguyên trên  toàn quốc |
| **1.6** | **Sở Nông nghiệp và**  **Phát triển nông thôn** |  |  |  |
| 1.6.1 | Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi và  Thủy sản Thái Nguyên | Xe ô tô tải trên 1,5 tấn đến 2,5 tấn | 01 xe | Phục vụ vận chuyển thức ăn;  gia súc, gia cầm giống gốc tại các trại của tỉnh |
| **1.7** | **Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên** |  |  |  |
| 1.7.1 | Trung tâm Dịch vụ  Khu công nghiệp  Thái Nguyên | Xe phun nước, rửa đường | 01 xe | Phục vụ nhiệm vụ đặc thù quản lý trong khu công nghiệp |
| Xe quét rác | 02 xe |
| Xe hút bùn | 01 xe |
| Xe tưới cây | 01 xe |
| Xe thu gom chở rác | 02 xe |
| Xe chở chất thải nguy hại | 01 xe |
| Xe cần cẩu | 01 xe |
| Xe cứu hoả | 03 xe |
| **2** | **Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh** |  |  |  |
| **2.1** | **Trường Cao đẳng**  **Thái Nguyên** | Xe ô tô  47 chỗ ngồi | 01 xe | Xe chở giáo viên, sinh viên, học sinh đi thực tế, thực tập; Phục vụ sinh viên Lào và Campuchia |
| Xe ô tô  29 chỗ ngồi | 01 xe | Xe phục vụ công tác tuyển sinh, công tác đào tạo |
| **2.2** | **Trường Cao đẳng Y tế** | Xe ô tô  47 chỗ ngồi | 01 xe | Phục vụ chở giáo viên,  sinh viên, học sinh đi thực tế, thực tập |
| **2.3** | **Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh** | Xe ô tô phát thanh, truyền hình lưu động | 03 xe | Phục vụ chở thiết bị và ê kíp làm chương trình phim, phóng sự, truyền hình tiếng dân tộc, phản ánh các sự kiện phát thanh  trực tiếp, truyền hình trực tiếp |
| Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng | 02 xe | Xe ô tô gắn các thiết bị thu, phát vệ tinh truyền hình lưu động, đảm bảo yêu cầu sản xuất các chương trình phát thanh truyền hình của tỉnh và các sự kiện khác |
| Xe ô tô 29 chỗ ngồi | 01 xe | Chở cán bộ, phóng viên, toàn bộ ê kíp phục vụ phát thanh truyền hình lưu động |
| **2.4** | **Trung tâm Thông tin tỉnh** | Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng | 01 xe | Phục vụ cho công tác thông tin, công báo, quản lý, duy trì hoạt động cổng thông tin điện tử |
| **3** | **Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy** |  |  |  |
| **3.1** | **Báo Thái Nguyên** | Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng | 01 xe | Phục vụ công tác tác nghiệp, lấy tư liệu, tổ chức các chương trình truyền hình trực tiếp, livestream trên Báo Thái Nguyên điện tử |
| **3.2** | **Trường Chính trị tỉnh** | Xe ô tô 29 chỗ ngồi | 01 xe | Phục vụ công tác đào tạo, đưa giảng viên, học viên đi thực tế |
| **III** | **CÁC HUYỆN,**  **THÀNH PHỐ** |  |  |  |
| 1 | Đội Quản lý trật tự xây dựng và giao thông  thành phố Thái nguyên | Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng | 01 xe | Phục vụ công tác quản lý trật tự xây dựng, giao thông trên địa bàn quản lý |
| Xe ô tô tải ≤ 3,5 tấn | 01 xe |
| Xe ô tô tải ≤ 2,5 tấn | 01 xe |
| 2 | Ban Quản lý trật tự  Xây dựng và Giao thông thành phố Sông Công, Đội Quản lý trật tự Xây dựng và Giao thông  thành phố Phổ Yên | Xe ô tô tải đến 1,5 tấn | 01 xe/  đơn vị | Phục vụ công tác quản lý trật tự xây dựng, giao thông trên địa bàn quản lý |
| Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng | 01 xe/  đơn vị |
| 3 | Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thái Nguyên, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Đại Từ | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ | 01 xe/  đơn vị | Phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng |
| 4 | Ban Quản lý dịch vụ  công ích đô thị thành phố  Thái Nguyên | Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết | 01 xe | Phục vụ quản lý sự nghiệp  công ích, đô thị, tang lễ |
| Xe ô tô tải trên 1,5 tấn đến 2,5 tấn | 01 xe |
| 5 | Ban Quản lý Môi trường và Đô thị thành phố Phổ Yên; Ban Quản lý vệ sinh Môi trường Đô thị huyện Đại Từ | Xe ô tô chuyên dùng chở rác và ép rác từ 5 tấn trở lên | 05 xe/  đơn vị | Xe chở rác, ép rác vệ sinh  môi trường |
| 6 | Ban Quản lý Môi trường Đô thị huyện Phú Lương; Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện Phú Bình; Trạm Khai thác và Quản lý nước sinh hoạt huyện Định Hóa | Xe ô tô chuyên dùng chở rác và ép rác từ 5 tấn trở lên | 03 xe/  đơn vị | Xe chở rác, ép rác vệ sinh  môi trường |
| 7 | Ban Quản lý Đô thị và Vệ sinh môi trường huyện Đồng Hỷ; Ban Quản lý chợ Đình Cả huyện Võ Nhai | Xe ô tô chuyên dùng chở rác và ép rác từ 5 tấn trở lên | 02 xe/  đơn vị | Xe chở rác, ép rác vệ sinh  môi trường |
| 8 | Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông các huyện, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên | Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng | 01 xe/  đơn vị | Xe phục vụ tuyên truyền  cổ động, đưa diễn viên đội  tuyên truyền đi biểu diễn |
| 9 | Trung tâm Văn hóa và Truyền thông thành phố Thái Nguyên | Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng | 01 xe | Xe phục vụ tuyên truyền  cổ động, đưa diễn viên đội  tuyên truyền đi biểu diễn |

|  |
| --- |
| **Phụ lục II** |
| **MỨC GIÁ XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ**  **CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI**  **QUẢN LÝ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN** |
| *(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024*  *của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại xe** | **Giá mua**  **tối đa/xe**  **(triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| 1 | Xe ô tô tải đến 1,5 tấn | 500 | Giá mua xe ô tô này là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. |
| 2 | Xe ô tô tải trên 1,5 tấn đến 2,5 tấn | 600 |
| 3 | Xe ô tô tải trên 3,5 tấn đến 5 tấn | 750 |
| 4 | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ ngồi | 1.550 |
| 5 | Xe ô tô trên 16 chỗ đến 29 chỗ ngồi (trang bị cho Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) | 2.050 |
| 6 | Xe ô tô trên 29 chỗ đến 34 chỗ ngồi | 2.000 |
| 7 | Xe ô tô 47 chỗ ngồi | 3.200 |
| 8 | Xe ô tô có kết cấu đặc biệt, xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật | Theo giá bán xe  ô tô trên thị trường tại thời điểm mua sắm |